

Mẫu số 1:



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học;

Chuyên ngành: Thực vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Tiến Chính

2. Ngày tháng năm sinh: 14 tháng 4 năm 1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 301a- A1, tổ 26, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua đường bưu điện): Bảo Tàng Thiên Nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Nhà A20, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0904215182;

Địa chỉ E-mail: tienchinhu@gmail.com, vtchinh@vnmn.vast.vn

Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Nhà A20, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

– Từ năm 2000 đến năm 2011: Nghiên cứu viên, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

– Năm 2011 học tiếng Trung Quốc tại khoa Quan hệ quốc tế Đại học sư phạm Hoa Nam, Quảng Châu, Trung Quốc.

- Từ năm 2012 đến năm 2014 học nghiên cứu sinh tại Vườn Thực vật Hoa Nam, Quảng Châu Trung Quốc, Viện Hàn lâm Khoa học Bắc Kinh.
- Từ năm 2015 đến năm 2016: Nghiên cứu viên, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Từ năm 2016 đến năm 2018: Nghiên cứu viên chính, Bảo Tàng Thiên Nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Từ năm 02/2018 đến nay: Phó trưởng phòng Quản lý bộ sưu tập mẫu vật, Bảo Tàng Thiên Nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý Bộ sưu tập mẫu vật, Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng

Phụ trách đào tạo sau Đại học, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Viện): phòng Quản lý bộ sưu tập mẫu vật, Bảo Tàng Thiên Nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.37568328;

Địa chỉ E-mail: tienchinhvnu@gmail.com; vtchinh@vnmn.vast.vn;

Fax: 024.37568328

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có) : Đại Học Hồng Đức, Đại học Tây Nguyên, Đại Học Hùng Vương, Học Viện Khoa học và Công nghệ.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) :.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 7 tháng 02 năm 2001, ngành: Hóa học, chuyên ngành: công nghệ môi trường
- Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học tự nhiên, Đại Học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 01 năm 2005, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Thực vật học
- Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học tự nhiên, Đại Học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 7 năm 2010, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Thực vật học
 - Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học Thái nguyên, Viện Sinh Thái và Tài nguyên sinh vật, Việt Nam.
 - Được cấp bằng tốt nghiệp TS ngày 12 tháng 6 năm 2014, chuyên ngành: Thực vật học
 - Được cấp bằng học vị TS ngày 10 tháng 01 năm 2016, chuyên ngành Thực vật học
 - Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học Viên thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc, (Graduate University of Chinese, Academy of Science, China).
 - Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:
Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):
10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày.....tháng.....năm....., ngành:
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
- Đa dạng sinh học và Bảo tồn
 - Phân loại thực vật.
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
- Đã hướng dẫn (số lượng)... NCS bảo vệ thành công luận án TS:
 - Đã hướng dẫn (số lượng) 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần khai):
 - Đã hoàn thành 01 đề tài cấp cơ sở: "Xây dựng biểu mẫu etiket, đề xuất kích thước hộp mẫu, bình ngâm mẫu cho Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam." (2017).
 - Đã hoàn thành 01 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam: Nghiên cứu tính đa dạng thực vật tại Khu Bảo tồn Sao La, tỉnh Thừa Thiên-Huế, tìm kiếm một số loài thực vật có hoạt tính sinh học là thức ăn cho Sao La và đề xuất giải pháp bảo tồn chuyển vị (ex-situ) tại Trung tâm Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và Cứu hộ động thực vật. (2018-2019); Mã số VAST04.09/18-19
 - Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Quốc gia (NAFOSTED): Nghiên cứu tính đa dạng thành phần loài, đa dạng di truyền và tìm kiếm hoạt chất sinh học các loài trong họ Tiết dê (Menispermaceae) ở Việt Nam. Mã số 106-NN.99-2015.26.
 - Đã công bố (số lượng) 92 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh lục ISI, 02 bài Scopus, 72 bài công bố khác.
 - Đã được cấp (số lượng) 1 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
 - Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản uy tín;
- + Joongku Lee, Tran The Bach, Sang-Hong Park, Do Van Hai, Ritesh Kumar Choudhary, Bui Hong Quang, Shangho Choi, **Vu Tien Chinh**, Changyoung Lee, Sy Danh Thuong, Jinki Kim, Ha

Minh Tam, Mijin Park, Le Xuan, 2012. *Useful Flowering Plants in Vietnam II*, Korea Research Institute of Bioscience and Biotechnology, in Korea, pp 1- 479. (English). ISBN 978-89-6709-007-4.

+ Joongku Lee, Tran The Bach, Kae Chun Chang, Do Van Hai, Bui Hong Quang, **Vu Tien Chinh**, Nguyen Thi Thanh Huong, Tran Huy Thai, 2014. *Floristic Diversity of Hon Ba Nature Reserve Vietnam*; Korean National Arboretum of Korea Forest Service (English). ISBN 978-89-97450-72-5 95480.

+ Sangmi EUM, Tran The Bach, Sei- Ryang Oh, Sangho Choi, Changyoung Lee, Jinki Kim, Doo Young Bae, Jeong Kwang Park, Tran Huy Thai, Do Van Hai, **Vu Tien Chinh**, Bui Hong Quang, Nguyen Thi Thanh Huong, Duong Thi Hoan, Thieu Huyen Trang, 2016. *Useful Flowering Plants in Vietnam III*, Korea Research Institute of Bioscience and Biotechnology, in Korea, pp 1- 479. (English). ISBN 978-89-6709-069-2 96480

– Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đoạt giải thưởng quốc gia, quốc tế;

15. Ken thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 5 năm liền đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

16. Kỷ luật (hình thức tự khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): 0

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tiêu chuẩn

- Có phẩm chất, tư tưởng đạo đức tốt;
- Đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng.

1.2. Nhiệm vụ

- Đã giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;
- Luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của Đảng, pháp luật nhà nước, điều lệ đơn vị;
- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học;
- Không ngừng học tập và rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học;
- Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

Tổng số 3 năm đào tạo.

Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hưởng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HDHD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/ giờ quy đổi/ Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH.	SĐH.	
1	01/1/2016 - 30/6/2016						79,2	79,2
2	01/7/2016 - 30/6/2017			70			67,2	137,2
3 thâm niên cuối								
3	01/7/2017 - 30/6/2018			170		101	122,4	393,4
4	01/7/2018 - 30/6/2019			140		78,25		218,25
5	01/7/2019 - 30/6/2020	33		40			72	145

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh Văn, Trung văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

– Học ĐH ; Tại nước:

– Bảo vệ luận án ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Trung Quốc năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:.....số bằng:.....;năm cấp.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Đã học tiếng Trung Quốc một năm tại trường Đại học Sư phạm Hoa Nam, Quảng Châu, Trung Quốc.

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS. HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/ có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ 2016 đến 2020	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/ có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Trần Bích Thủy		x	x		2017-2018	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, VAST	2018
2.	Đình Trọng Sáu		x	x		2018-2019	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa	2018
3.	Lê Đại Hải		x	x		2018-2019	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa	2018
4.	Nguyễn Thị Đẹp		x	x		2018-2019	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, VAST	2019
5.	Phạm Thị Hồng Nhung		x	x		2018-2019	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, VAST	2019

6.	Trịnh Thị Phúc		x	x		2019-2020	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa	2020
7.	Amino KORVISETH		x	x		2020	Đại Học Lâm nghiệp, Hà Nội	2020
8.	Lê Tuấn Anh	x		x		2018-2021	Học Viện khoa học và Công nghệ, VAST	Đang làm tốt nghiệp

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách (CK,G T,TK,H D)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
A Trước khi bảo vệ TS							
1	Useful Flowering Plants in Vietnam II	TK	Korea Research Institute of Bioscience and Biotechnology- ISBN 978-89-6709-007-4. Năm 2012	Joongku Lee, Tran The Bach, Sang-Hong Park, Do Van Hai, Ritesh Kumar Choudhary, Bui Hong Quang, Shangho Choi, Vu Tien Chinh, Changyoung Lee, Sy Danh Thuong, Jinki Kim, Ha Minh Tam, Mijin Park, Le Xuan Canh,	Tham gia		
B Sao khi bảo vệ TS							
2	Floristic Diversity	TK	Korea National	Joongku Lee (Editor-in-Chief),	Tham gia		

	of Hon Ba Nature Reserve		Arboretum- ISBN 978-89-97450-72-5 95480. Năm 2014	Tran The Bach (Editor-in-Chief), Kae Sun Chang (Editor-in-Chief), Do Van Hai, Bui Hong Quang, Vu Tien Chinh, Nguyen Thi Thanh Huong, Duong Thi Hoan, Tran Thi Ngoc Diep, Sy Danh Thuong, Tran Huy Thai, Ritesh Kumar Choudhary, Changyoung Lee, Sang-Hong Park, Jinki Kim, Doo Young Bae, Chaehee Lee, You Mi Lee, Seung-Hwan oh, Chang-Ho Shin, Kyt ng choi, Jong-Cheol yang, Nguyen Hanh, Le Phuong, Luu Van Nong			
3	Useful Flowering Plants in Vietnam III	TK	The Korea Research Institute of Bioscience and Biotechnology- ISBN 978-89-6709-069-2 96480. Năm 2016	Sangmi Eum (Editor in chief), Tran The Bach (Editor in chief), Sei-Ryang Oh, Sangho Choi, Changyoung Lee, Jinki Kim, Doo Young Bae, Jeong Kwang Park, Tran Huy Thai, Do Van Hai, Vu Tien Chinh, Bui Hong Quang, Nguyen Thi Thanh Huong, Duong Thi Hoan, Thieu Thi Huyen Trang	Tham gia		

Trong đó, số lượng (nghị các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản nào có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của chủ tịch HĐGS nhà nước

– Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

Lưu ý:

– Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS: trước và sau khi công nhận chức danh PGS ứng với ứng viên chức danh GS;

– Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISSN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

– Sau khi bảo vệ luận án TS:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT,ĐT..)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu tính đa dạng thành phần loài thực vật bậc cao có mạch tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất các giải pháp bảo tồn	TK	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam VAST04.09/16-17	2016-2017	Xuất sắc
2	Nghiên cứu tính đa dạng thực vật đảo Lý Sơn, đề xuất công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn- Bình Châu, Quảng Ngãi	TK	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam		2017
3	Xây dựng biểu mẫu etiket, đề xuất kích thước hộp mẫu, bình ngâm mẫu cho Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	CN	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam		Khá
4	Nghiên cứu tính đa dạng thực vật tại Khu Bảo tồn Sao La, tỉnh	CN	Viện Hàn lâm Khoa học và CN Việt Nam	03/2019-03/2019	Khá

	Thừa Thiên-Huế, tìm kiếm một số loài thực vật có hoạt tính sinh học là thức ăn cho Sao La và đề xuất giải pháp bảo tồn chuyên vị (ex-situ) tại Trung tâm Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và Cứu hộ động thực vật. (2018-2019);		VAST04.09/18-19		
5	Nghiên cứu tính đa dạng thành phần loài, đa dạng di truyền và tìm kiếm hoạt chất sinh học các loài trong họ Tiết dê (Menispermaceae) ở Việt Nam. (2016-2019).	CN	Bộ Khoa học và Công nghệ, Mã số đề tài: 106.1	05. 2016-08. 2019	Đạt
6	Nghiên cứu xây dựng đề cương Quyển 4, Ngành sinh học và công nghệ sinh học thuộc đề án biên soạn Bách Khoa Toàn thư Việt Nam.	TK	Đề án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam	2016-2021	Đang thực hiện
7	Nghiên cứu đa dạng sinh học và các hệ sinh thái điển hình, đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và khai thác sử dụng hợp lý khu vực Hồ Sông Đầm, thành phố Tam kỳ, tỉnh Quảng Nam.	CN	Tỉnh Quảng Nam	2020-2023	Đang thực hiện

Lưu ý:

– Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS: trước và sau khi công nhận chức danh PGS ứng với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: đề tài; CN: Chủ nhiệm đề tài; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/ giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên Tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập số trang	Năm công bố
I	Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
A	Tạp chí trong nước							
1.	Bổ sung một loài thuộc chi <i>Cyclea</i> ở Việt Nam	2	*	Tạp chí sinh học			26 (4A)46-48	2004
2.	Chi <i>Cyclea</i> Arn. Ex Wight, (Menispermaceae Juss.) ở Việt Nam	3	*	Hội thảo khoa học sự sống			2005 th 84-86	2005
3.	Bổ sung một loài thuộc chi <i>Cyclea</i> ở Việt Nam	3	*	Tạp chí Sinh học (tác giả chính).			28(2)27-29	2006
4.	Mối quan hệ gần gũi có thể giữa các loài chi <i>Sâm nam - Cyclea</i> (Họ tiết Dê Menispermaceae Juss.) ở Việt nam	2	*	Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 2 (tác giả chính).			42-44	2007
5.	Nhận dạng các loài cây có giá trị làm thuốc chữa rắn cắn ở Vườn quốc gia Bái Tử Long, Quảng Ninh	3		Hội thảo khoa học sự sống			319- 322	2007
6.	Phân họ chu đặng - Reriplocoideae thuộc họ thiên lý Aclepiadaceae ở	2		Hội thảo sinh thái và tài nguyên			2. 28- 34	2009

	Việt Nam			sinh vật lân thứ 3				
7.	Những phát hiện mới về họ ráy Araceae ở Đông Dương trong 15 năm gần đây.	2		Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lân thứ 3			46- 49	2009
8.	Bổ sung loài <i>Canthium simile</i> Merr. & Chun (Rubiaceae) cho hệ thực vật Việt Nam	4	*	Tạp chí sinh học (tác giả chính).			31. 2. 40-42	2009
9.	Bổ sung chi <i>Pellacalyx</i> (họ Đước Rhizophoraceae) cho hệ thực vật Việt Nam	4	*	Tạp chí sinh học (tác giả chính).			32 (3) 59-61	2010
10.	Zymosan kích thích hoạt động của STAT1 trong Marcophage thông qua thụ thể Dectin-1	3		Tạp chí sinh học			32(4) 86-91	2010
11.	Thành phần hóa học và hoạt tính kháng vi sinh vật, kiểm định của tinh dầu sa nhân tím <i>Amomum longiligulare</i>	4		Tạp chí khoa học và công nghệ (VAST)			48 (4A). 351-355	2010
12.	<i>The Role of Toll-Like Receptor (TLR) 2 in Mycobacterium tuberculosis H37Rv-induced generation of intracellular reactive oxygen species (ROS) is dependent on the toll-like receptor (TLR) 2</i>	5		Tạp chí công nghệ sinh học			9(3)303-308	2011
13.	Nưa <i>Harmand-Amorphophallus harmamdii</i> Engl. Gehrm. (Họ ráy-Araceae), một loài	2		Báo cáo khoa học Hội nghị toàn quốc lần thứ			165-167	2011

	mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam và tên đồng nghĩa mới của nó			nhất Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam				
14.	Chi dâm <i>Ligustrum</i> L. thuộc họ nhài Oleaceae Hoffmanns.& Link, ở Việt Nam	3		Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 4			294- 298	2011
15.	Nghiên cứu bổ sung dữ liệu chi Ký Ninh <i>Tinospora</i> Miers. (Menispermaceae) ở Việt Nam.	2		Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 4			56- 61	2011
16.	Nhân giống trồng và gây trồng loài sưa <i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain, thuộc họ đậu Fabaceae	12		Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 4			1249- 1254	2011
17.	Những loài cây được sử dụng làm thuốc, thuộc họ Nhài Oleaceae ở Việt Nam.	2		Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 4			1260-1264	2011
18.	Chi Kỳ vĩ <i>Mnesithea</i> Kunth, họ cỏ Poaceae Barnth ở Việt Nam	2		Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5			32- 36	2011
19.	Isolation of GABA-producing Lactic acid bacteria from Vietnamese Kimchi	3		Tạp chí khoa học tự nhiên và đại học Quốc gia			-87	2012
20.	Đa dạng thực vật có hoa ở Tây Nguyên	12		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên			23-31	2013

				sinh vật lần thứ 5				
21.	<i>Melodinus camdodiensis</i> Pierre- Loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	7		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5			32-34	2013
22.	Một loài thuộc chi An điền <i>Hedyotis</i> L. (họ cà phê <i>Rubiaceae</i>) ở Việt Nam.	10		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5			68- 70	2013
23.	Bổ sung một loài thuộc chi Trần tàu <i>Fraxinus</i> L. (Họ <i>Oleaceae</i>) ở Việt Nam	3		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5			214-216	2013
24.	Kết quả điều tra các quần thể loài Thuần Râu (<i>Scutellaria barbata</i> D. Don) ở Việt Nam			Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5			343-346	2013
25.	Bước đầu nghiên cứu đa dạng thực vật thuộc ngành Ngọc lan (<i>Magnoliophyta</i>) ở khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hòa.	12		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5			379- 383	2013

26.	<i>Study on The Section Trifoliolata DC. (Jasminum L. - Oleaceae Juss.) In Vietnam</i>	3		Tạp chí sinh học			35(4)429-434	2013
27.	The conservation of Menispermaceae, species for flora of Vietnam	5	*	Hội thảo sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5			400- 401	2013
28.	Một số nghiên cứu về tông <i>Aveneae</i> (Họ cỏ Poaceae) ở Việt Nam.	2		Hội thảo khoa học sự sống 200			11- 15	2013
29.	Chi Vĩ thảo <i>Brachiaria</i> (Trin.) Griseb. (Họ cỏ Poaceae) ở Việt Nam.	2		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6			117- 122	2015
30.	<i>Morphological Characteristics and Key to Genera of Family Menispermaceae in Vietnam</i>	3	*	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6			27- 32	2015
31.	<i>Sindechites</i> Oliv.- Chi bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	14		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6			23-26	2015
32.	Nhánh <i>Primulina Green</i> - Và loài <i>Jasminum mesnyi</i> Hance- Thuộc chi <i>Jasminum</i> L. (<i>Oleaceae</i>), bổ sung cho hệ thực vật Việt	3		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật			265- 267	2015

	Nam.			lần thứ 6				
33.	Đánh giá hiện trạng và đề xuất bảo tồn 8 loài đặc hữu thuộc họ nhài (Oleaceae) ở Việt Nam.	2		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6			800- 805	2015
34.	Nghiên cứu thành phần hóa học của cây tầm gửi <i>Taxillus chinensis</i> (DC) Dans. sống trên cây gạo.	5		Tạp chí sinh học nhiệt đới			60 (58-63)	2014
35.	<i>Agapetes guangxiensis</i> D. Fang (Ericaceae), a new record for the flora of Vietnam.	4		Tạp chí sinh học			37(3) 296-299	2015
36.	A new record of <i>Impatiens kamtilongensis</i> Toppin (Balsaminaceae) for the Flora Vietnam	4	*	Tạp chí sinh học (tác giả chính).			37 (3)332-335	2015
37.	<i>Acrathera sinensis</i> C. Y. WU (Rubiaceae): A New Distributinal Record From Vietnam	4		Tạp chí sinh học			37 (3) 348-351	2015
B	Tạp chí Quốc tế							
38.	A new species of <i>Alocasia</i> (Araceae-Colocasiaceae) from Cambodia.	3		Gardens Bulletin Singapore			62 (1) 127-132	2010
39.	<i>Pachygone valida</i> Diels (Menispermaceae), A Newly Recorded Species from Vietnam (tác giả chính).	2	*	Journal of Tropical and Subtropical Botany in China			20. 336-38	2013
40.	<i>Jasminum macrocarpum</i> Merr.	4		Journal of Tropical			21(4)343-346.	20013

	(Oleaceae), <i>A Newly Recorded Species from Vietnam</i>			and Subtropical Botany in China				
41.	<i>Agapetes lobbii</i> C. B. Clarke (Ericaceae), <i>A Newly Recorded Species from Vietnam</i>	6		Journal of Tropical and Subtropical Botany			22(2) 143-146	2013
42.	<i>Jasminum extensum</i> Wall. ex G. Don (Oleaceae), <i>a New Record to the Flora of Vietnam</i>	7		Taiwania,	Scopus		58 (2) 128-131	2013
43.	<i>Jasminum albicalyx</i> Kobuski (Oleaceae): <i>a new record from Vietnam</i>	7		Journal Korean Journal Plant Taxon			44 (3) 1-3	2014
44.	<i>Capparis gialaiensis</i> (Capparaceae), <i>A new species from Vietnam</i>	8		Annales Botanici Fennici, 52(3-4)	SCI: IF: 0.70	9	52. 3(4)219-223	2015
45.	<i>Additions to the Vietnamese species of Magnolia</i> L., sect. <i>Gwillimia</i> DC. (Magnoliaceae)	6	*	ADANSO NIA	SCIE: IF: 0.576 (*)		3. 37(1)13-18	2015
46.	<i>Two New Combinations in The Genus Chionanthus</i> L. (Oleaceae).	5		Bangladesh Journal Plant Taxon	SCIE: IF: 0.237	21	2. 197-198	2015
47.	<i>New Chalcones Containing 5-Fluorouracil Exhibiting in vitro Anti-Cancer Activity</i>	8		Letters in Organic Chemistry, Letters in Organic Chemistry	SCIE: IF: 0.723	12	251-261	2015
II Sau Tiên sĩ								
A Trong nước								
48.	<i>Porandra microphylla</i> Y. Wan (Commelinaceae): <i>A New record from</i>	4	*	Tạp chí sinh học (tác giả chính).			38(3) 340-343	2016

	<i>Vietnam</i>							
49.	Đánh giá đa dạng di truyền quần thể Lan Hải Vàng (<i>Paphiopedilum villosum</i> Var. <i>Annamense</i> Rolfe) ở vùng cao nguyên lâm viên bằng chi thị phân tử Rapd	6		Tạp chí Công nghệ Sinh học, Hà Nội		14	3. 1- 9	2016
50.	Genetic Diversity or <i>Panax vietnamensis</i> var <i>fuscidiscus</i> K. Komatsu, S. Zhu & S. Q. Cai Population in Western North of Vietnam Detected Byinter Simple Sequence Repeat Markers	4		Tạp chí sinh học		14	4. 619-627	2016
51.	Chi <i>Pachygone</i> Miers (họ tiết Dê Menispermaceae) ở Việt Nam.	4	*	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			2. 363-368	2016
52.	Genus <i>Tiliacora</i> Colebr., (Menispermaceae) in <i>Flora of Vietnam</i>	2	*	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			2	2016
53.	Chi cỏ lông vục <i>Echinochloa</i> Beauv. (Họ cỏ Poaceae) ở Việt Nam.	3		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			322- 330	2016

54.	<i>Nghiên cứu phân loại chi Tráng Chionanthus L., họ nhài (Oleaceae) ở Việt Nam.</i>	3		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			563- 572	2016
55.	<i>Myrica rubra</i> (Lour.) Siebold & Zucc. (Myricaceae): A Useful Plant Resource in Vietnam	7		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7				2017
56.	Bổ sung một loài thuộc chi Ngân Hoa - <i>Silvianthus</i> Hook. f. họ Cật Man (Carlemanniceae) ở Việt Nam	11		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			324-330	2017
57.	Genus <i>Pycnadena</i> (Menispermaceae) in the Flora of Vietnam	5	*	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7.			67-73	2017
58.	Genus <i>Cocculus</i> DC (Menispermaceae) in The Flora of Vietnam	5	*	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			74-78	2017

59.	Lựa chọn hệ thống phân loại để sắp xếp các chi trong họ Ngũ Gia Bì (Araliaceae Juss.) ở Việt Nam	3		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			102-108	2017
60.	Chi Sâm – <i>Panax</i> L. (họ Ngũ Gia Bì- Araliaceae) ở Vietnam	4		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			106- 113	2017
61.	Chi San – <i>Paspalum</i> L. (Họ Cỏ- Poaceae) ở Việt Nam.	4		Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7			37- 45	2017
62.	Phân tích đa dạng di truyền các quần thể tre ngọt (<i>Dendrocalamus brandsii</i> (Munro Kurz)) ở một số tỉnh miền núi phía Bắc dựa trên chỉ thị phân tử ISSR.	6		Tạp chí công nghệ sinh học				2017
63.	Species Composition of Lycopodiaceae Mirbel in Vietnam	7		Tạp chí sinh học		41	2. 427–432	2019
64.	Thành phần loài thuộc chi Bình Vôi (<i>Stephania</i> Lour.) (Menispermaceae) trong hệ thực vật Việt Nam.	4	*	Tạp chí lâm nghiệp		4		2019
65.	Tính đa dạng thành	3	*	Hội thảo				2020

	phân loại và giá trị sử dụng thực vật bậc cao có mạch ở khu bảo tồn Sao La, tỉnh Thừa Thiên Huế			nghiên cứu giảng dạy sinh học toàn quốc lần thứ 5 (tác giả chính).				
66.	Đa dạng họ gừng (Zingiberaceae) ở khu Bảo tồn Sao La, tỉnh Thừa Thiên Huế.	5	*	Hội thảo nghiên cứu giảng dạy sinh học toàn quốc lần thứ				2020
67.	<i>Mycetia hirta</i> Hutch. (Rubiaceae), a new record in the flora of Vietnam	3	*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (tác giả chính).				2020
68.	Using the chloroplast <i>rbcL</i> gene to clarify the relationship between species of the genus <i>Stephania</i> (Menispermaceae) from Vietnam.	3	*	Tạp chí sinh học (tác giả chính).				2020
B Nước ngoài								
69.	<i>Arisaema lidaense</i> j. Murata & S.K. Wu (Araceae): A New record for the Flora of Vietnam	3		Aroideana			39. NO 1, 2016: 20-25	2016
70.	<i>Stephania subpeltata</i> H.S.Lo (Menispermaceae), A New Recorded Species from Vietnam	5	*	Journal Korean Journal Plant Taxon, Korean J. Pl.			28. 288 – 294	2016
71.	A new combination and a new species in <i>Phlegmariurus</i> (Herter) Holub	7		ADANSO NIA	SCIE: IF: 0.576	3	3. 38(3)	2016

	(Lycopodiaceae) from southern Vietnam							
72.	<i>Schizostachyum langbianense</i> , A new species of Bamboo (Poaceae: Bambusoideae) from Langbian Mountain, Vietnam	7		Phytotaxa	SCIE: IF: 1.168	2	257 (2) 181-186	2016
73.	<i>Goniothalamus banii</i> sp. nov. (Annonaceae), A new species from Thanh Hoa, Vietnam	8		Nordic Journal of Botany	SCI: IF: 0.890			2016
74.	Chemical constituents from <i>Melicope pteleifolia</i> leaves	7		Journal Phytochemistry ORCID	SCI: IF: 2.905	8	130. 291-300	2016
75.	<i>Plagiopteron</i> Griff. (Celastraceae): A New Generic Record for Vietnam.	7	*	Bangladesh Journal Plant Taxon.	SCIE: IF: 0.237 (*)		23(2) 161-166	2016
76.	<i>Jasminum vietnamense</i> (Oleaceae), a new species from Vietnam	6		Ann. Bot Fennici	SCI: IF: 0.70	1	53	2016
77.	<i>Phyllagathis phamhongii</i> (Sonerileae, Melastomataceae), a new species from central Vietnam	6		Phytotaxa	SCIE: IF: 1.168	2	(314) 140-144	2017
78.	<i>Aspidistra letreae</i> (Asparagaceae), A new species from central Vietnam	6		Phytotaxa	SCIE: IF: 1.168	7	308 (1)137-140	2017
79.	Two jasmine (Oleaceae: <i>Jasminum</i> L.) taxa newly recorded in Vietnam	4		Journal of Threatened Taxa		9	1. 9756–9760	2017
80.	New taxa and taxonomic notes in <i>Aspidistra</i> (Cnaballariaceae) in	12		Nordic Journal of Botany	SCI: IF: 0.890			2019

	<i>China, Laos and Vietnam</i>							
81.	<i>Stephania polygona</i> (Menispermaceae), <i>A new Species from Southern Vietnam</i>	4	*	Phytotaxa	SCIE: IF: 1.168 (*)	400	3. 211-219	2019
82.	<i>Two new species of Begonia</i> (Begoniaceae) <i>in central Vietnam</i>	6	*	Phytotaxa	SCIE: IF: 1.168 (*)	2	411. 1. 057-064	2019
83.	<i>Acranthera hoangii</i> (Rubiaceae), a new species from central Vietnam	3		J. Plant Taxonomy and Geography	Scopus	29		2019
84.	<i>Melocalamus grandis</i> (Poaceae: Bambusoideae), <i>a new species from Northern Vietnam,</i>	6		Nordic Journal of Botany	SCI: IF: 0.890			2019
85.	Synthesis of New Zerumbone Derivatives and Their In vitro Anti-cancer Activity	5	*	Chiang Mai J.	SCIE: IF: 0.342 (*)			2019
86.	Genetic diversity and variation of <i>Huperzia serrata</i> (Thunb.) Trevis. Population in Vietnam revealed by ISSR and SCoT markers	7		Biotechnology & Biotechnological Equipment.	SCIE: IF: 0.72	33	1. 1525-1534	2019
87.	<i>Stephania brevipes</i> Crail., (Menispermaceae): <i>A new record for the Flora of Vietnam.</i>	4	*	Journal of Tropical and Subtropical Botany, (tác giả chính).		27	3. 323 - 326.	2019
88.	<i>Alpinia coriandriodora</i> D. Fang – <i>A new record for Flora of Vietnam</i>	8		Journal of Tropical and Subtropical Botany		27	1. 99-101	2019
89.	<i>Schizostachyum dakrongense</i>	5		PhytoKeys	SCI: IF: 1.500	138	179-186	2020

	(Poaceae, Bambusoideae), a new species from Dakrong Nature Reserve, Vietnam							
90.	<i>Khoonmengia honbaensis</i> , a new genus and species of temperate bamboo (Poaceae, Bambusoideae) from central-southern Vietnam	6		PhytoKeys	SCI: IF: 1.500		138. 163–177	2020

– Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS: trước và sau khi công nhận chức danh PGS ứng với ứng viên chức danh GS.

Ban hành theo công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của chủ tịch HĐGS nhà nước

7.2. Bằng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	The composition comprising extracts or fractions of <i>Ficus vasculosa</i> Wall. ex Miq. for treating and preventing inflammation disease	Korean Intellectual Property Office	12/06/2029	Đồng tác giả	14

– Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc TS: Được công nhận sau khi tốt nghiệp TS.

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/ tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	4 năm liền chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	– Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật – Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	2015, 2016, 2017, 2018	

– Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/ tổ chức nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/ Quốc tế	Số tác giả

– Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS...

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:...

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế* :

a, Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b, Hoạt động đào tạo

– Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (Số lượng năm, tháng):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của chủ tịch HĐGS nhà nước

– Giờ giảng dạy

+ Giờ dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/ số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/ số giờ thiếu):

– Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: 6 thạc sĩ tốt nghiệp, 1 thạc sĩ đang học, 1 NCS đang làm tiếp.

+ Đã hướng dẫn chính NCS đã có quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:....

+ Đã hướng dẫn chính 1HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:.....

c. Nghiên cứu khoa học

– Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp bộ (UV chức danh GS)

– Đề xuất CTKH thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp bộ bị thiếu:...

– Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

– Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 1 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:...

– Không đủ số CTKH là tác giả chính: đủ theo tiêu chuẩn.

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã cô bố được: 3 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/ chương sách XB quốc tế thay thế cho UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã cô bố được 02 CTKH

Đề xuất sách CK. Chương sách XB quốc tế thay thế cho UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

(*) *Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2020

Người đăng ký



Vũ Tiến Chính